

UBND HUYỆN BÌNH LỤC
TRUNG TÂM Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 97./BCB-TTYT

Bình Lục, ngày 10 tháng 04 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hà Nam

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Trung tâm Y tế huyện Bình Lục

Số giấy phép hoạt động: 00191/HNA-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Hà Nam. Cấp ngày 30 tháng 08 năm 2022.

Địa chỉ: Thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Tiến Dũng. Điện thoại liên hệ: 0226.3711.214 Email (nếu có): ttythuyenbinhluc@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa:
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y học dự phòng
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa: Nội; Ngoại; Sản Phụ khoa; Nhi; Mắt; Chẩn đoán hình ảnh.
- Chức danh y sỹ với phạm vi hành nghề đa khoa
- Chức danh y sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền
- Chức danh điều dưỡng với phạm vi hành nghề điều dưỡng
- Chức danh hộ sinh với phạm vi hành nghề hộ sinh
- Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm y học
- Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học
- Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành:

STT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi chuyên môn
1	Nguyễn Xuân Sỹ	002976/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
2	Đinh Duy Bình	002977/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
3	Nguyễn Tiến Dũng	002975/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
4	Lương Thanh Bằng	000108/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa X quang theo QĐ số 323/QĐ-SYT ngày 29/01/2016
5	Nguyễn Đức Tiến	001234/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Phục hồi chức năng; Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ Nội Nhi theo QĐ số 324/QĐ-SYT ngày 29/01/2016
6	Trần Hoàng Tuấn	003046/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
7	Nguyễn Thị Thuỷ	0003306/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
8	Nguyễn Thị Hương	003019/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng theo QĐ số 520/QĐ-SYT ngày 30/10/2020
9	Bùi Mạnh Hà	001256/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại; Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; chuyên khoa gây mê hồi sức theo QĐ số 329/QĐ-SYT ngày 28/01/2016
10	Nguyễn Đức Thái	0002248/HNA-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa tại Trạm Y tế; Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại Trung tâm Y tế huyện theo QĐ số 69/QĐ-SYT ngày 02/03/2017
11	Đào Thị Bích Thuỷ	0003795/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
12	Phạm Quang Đại	0019/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.
13	Trần Thị Tuyết	001213/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt theo QĐ số 312/QĐ-SYT ngày 29/01/2016
14	Lưu Minh Tân	002799/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Thực hiện kỹ thuật gây mê hồi sức; Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa theo QĐ số 101/QĐ-SYT ngày 26/03/2021
15	Nguyễn Trung Đức	003114/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Thực hiện kỹ thuật gây mê nội khí quản; gây mê tĩnh mạch; gây tê tuỷ sống.

STT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi chuyên môn
16	Trần Minh Tuấn	001247/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa theo QĐ số 304/QĐ-SYT ngày 29/01/2016
17	Nguyễn Văn Thự	001248/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa theo QĐ số 305/QĐ-SYT ngày 29/01/2016
18	Vũ Hồng Thanh	0002755/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa
19	Trần Khắc Phú	0003579/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
20	Nguyễn Ngọc Long	001226/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi theo QĐ số 325/QĐ-SYT ngày 29/01/2016
21	Vũ Công Đức	003302/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
22	Trần Thị Hậu	000037/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ Sản; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại theo QĐ số 314/QĐ-SYT ngày 29/01/2016
23	Nguyễn Văn Việt	0002306/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
24	Đào Văn Tuấn	001211/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
25	Nguyễn Thị Huệ	0002323/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng cao đẳng)
26	Đỗ Thị Lan	0002313/HNA-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm
27	Lương Thị Nga	001249/HNA-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm
28	Hoàng Thị Hằng	001254/HNA-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm
29	Lưu Đình Trọng	001241/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng Trung cấp).

STT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi chuyên môn
30	Nguyễn Thanh Định	0002325/HNA-CCHN	Kỹ thuật viên X quang
31	Đinh Thị Nguyệt	0002302/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
32	Lê Thị Thu Oanh	0002319/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
33	Phùng Thị Oanh	000654/LS-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y.
34	Hoàng Thị Thu Thủy	001209/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng).
35	Nguyễn Thị Ngọc Bích	0003550/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
36	Đỗ Đức Thanh	001242/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng)
37	Lê Đức Duy	0003670/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
38	Trần Khắc Minh	001240/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
39	Phạm Thế Dũng	0002300/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
40	Nguyễn Thanh Nga	001208/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng cao đẳng)

STT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi chuyên môn
41	Phạm Thị Ninh	001548/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
42	Trần Thị Thu	001549/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
43	Nguyễn Thị Diên	001546/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
44	Nguyễn Thị Phương	001554/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
45	Nguyễn Thị Thắm	001540/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
46	Văn Thế Tuấn	0003689/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
47	Lê Thị Minh	001547/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
48	Đào Thị Tuyết Mai	001544/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
49	Nguyễn Thị Thanh Tâm	001550/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
50	Nguyễn Thị Kim Chung	0003434/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
51	Vũ Thị Lan	001216/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông Tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Hộ sinh.

STT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi chuyên môn
52	Nguyễn Thị Minh Tân	001215/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức Hộ sinh (đối với hộ sinh trung cấp).
53	Lương Thị Huệ	001543/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT – BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức Hộ sinh (đối với HSTC)
54	Nguyễn Thị Thanh Hoa	0003366/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông Tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
55	Lê Trung Hào	001541/HNA-CCHN	Thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp).
56	Nguyễn Thị Minh Thu	001228/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp Hộ sinh; Kỹ thuật viên Xét nghiệm theo QĐ số 318/QĐ-SYT ngày 29/01/2016
57	Trần Thị Hiền	001551/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
58	Nguyễn Thị Hương Giang	0002315/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp điều dưỡng; Kỹ thuật viên Xét nghiệm theo QĐ số 619/QĐ-SYT ngày 15/11/2018
59	Hà Thị My	003073/HNA-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
60	Đinh Thành Phong	001303/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa thông thường tại bệnh viện huyện
61	Vũ Thị Hà	001235/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
62	Trần Thị Hương	001232/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
63	Trần Ngọc Bình	0002317/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
64	Hoàng Thị Thảo	003018/HNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền

3. Nội dung thực hành thực hiện:

a. Số lượng đối tượng thực hành đơn vị tiếp nhận trong năm

- Bác sĩ đa khoa: Thực hiện thực hành 06 tháng khoa Hồi sức cấp cứu - Nội.
Trong đó: Hồi sức cấp cứu 03 tháng, Nội 03 tháng.
Khoa Ngoại - CK 02 tháng.
Khoa Nhi 02 tháng.
Khoa CSSKSS 02 tháng.
- Bác sĩ Y học cổ truyền: Thực hiện thực hành 03 tháng khoa Hồi sức cấp cứu - Nội; Chuyên khoa Y học cổ truyền 09 tháng.
- Bác sĩ dự phòng: Thực hiện thực hành 06 tháng khoa Hồi sức cấp cứu - Nội.
Trong đó: Hồi sức cấp cứu 03 tháng, Nội 03 tháng.
Khoa khám bệnh 03 tháng.
Khoa Nhi 03 tháng
- Bác sĩ chuyên khoa:
 - + Bác sĩ chuyên khoa Nội: Thực hiện thực hành 12 tháng khoa Hồi sức cấp cứu - Nội. Trong đó: Hồi sức cấp cứu 03 tháng, Nội 09 tháng
 - + Bác sĩ chuyên khoa Ngoại: Thực hiện thực hành 03 tháng khoa Hồi sức cấp cứu - Nội; Tại khoa Ngoại - Chuyên khoa 09 tháng.
 - + Bác sĩ chuyên khoa Nhi: Thực hiện thực hành 03 tháng khoa Hồi sức cấp cứu - Nội; Tại khoa Nhi 09 tháng
 - + Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh: Thực hiện thực hành 3 tháng khoa Hồi sức cấp cứu - Nội; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh tại khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh 09 tháng
- Y sĩ:
 - + Y sĩ đa khoa: Thực hiện thực hành 03 tháng khoa Hồi sức cấp cứu - Nội; Khoa khám bệnh 06 tháng
 - + Y sĩ Y học cổ truyền: Thực hiện thực hành 03 tháng khoa Hồi sức cấp cứu - Nội; chuyên khoa Y học cổ truyền 06 tháng.
- Điều dưỡng: Thực hiện thực hành 04 tháng Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội. Trong đó: Hồi sức cấp cứu 01 tháng, Nội 03 tháng.
Khoa Ngoại - CK 02 tháng
- Hộ sinh: Thực hiện thực hành 01 tháng tháng Hồi sức cấp cứu - Nội; Chuyên ngành hộ sinh tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản 05 tháng.
- Kỹ thuật y:
 - + Kỹ thuật viên X-quang: Thực hiện thực hành 01 tháng Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội; Chuyên khoa X-quang tại khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh 05 tháng.

+ Kỹ thuật viên xét nghiệm: Thực hiện thực hành 01 tháng Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội; Chuyên khoa Xét nghiệm tại khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình ảnh 05 tháng.

Các nội dung thực hành có thể thay đổi để phù hợp với điều kiện của đơn vị.

b. Thời gian thực hành tại các khoa

- Bác sỹ; Bác sĩ chuyên khoa: Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh với chức danh bác sỹ là 12 tháng trong đó

+ Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 09 tháng tại các khoa HSCC - Nội; Khoa Ngoại - Chuyên khoa; Khoa Nhi; Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản

+ Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu -Nội.

- Y sỹ: Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh với chức danh y sỹ là 09 tháng trong đó:

+ Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 06 tháng tại khoa Khám bệnh

+ Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu : 03 tháng tại Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội.

- Điều dưỡng, Kỹ thuật y: Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh với chức danh điều dưỡng, kỹ thuật y là 06 tháng trong đó:

+ Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 05 tháng

+ Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu : 01 tháng.

- Nữ Hộ sinh: 06 tháng trong đó:

+ Thời gian thực hành chuyên môn: 05 tháng

+ Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu: 01 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu - Nội.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:
500 người

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 220.000đ/ tháng/ người.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố. /.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN SỸ